TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2023
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân;

Ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 523/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hô*n" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà La Ngọc N, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT: Tổ 21, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh N', sinh năm 1990; cư trú: Tổ 21, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà N có đơn xin vắng mặt, ông N' vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà La Ngọc N trình bày: Bà N và ông N' do tự tìm hiểu, thương yêu và chung sống vào năm 2016, đến ngày 14/8/2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình nên thường xuyên cự cải. Bà N và ông N' đã nhiều lần cố gắn hòa giải nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn, cho đên tháng 8/2022 bà và ông N' sống ly thân nhau.

Từ khi ly thân đến nay, ông N' đi làm thuê, không quan tâm đến bà mà chỉ quan tâm đến 02 con chung. Gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên ngăn, hàn gắn tình cảm cho cả hai nhưng không thành. Khi bà nộp đơn ly hôn đến Tòa án, ông N' biết nhưng

cũng không quan tâm. Hiện bà không còn tình cảm với ông N’ nên xin ly hôn với ông N’.

Về con chung: Có 02 con chung: 1/ Huỳnh Chí V, sinh ngày 01/8/2017; 2/ Huỳnh Quang D, sinh ngày 29/3/2021. Hiện hai con chung đang sống với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V và cháu D, bà N không yêu cầu ông N’ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N’ không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa nên không ghi nhận được ý kiến; ông N’ cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Biên bản xác minh ngày 29/12/2022 người thân bà N cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà N và ông N’ là do sau nhiều lần cự cãi vì bất đồng quan điểm sống ông N và ông N’ đã ly thân từ tháng 8/2022. Từ khi ly thân đến nay, ông N’ đi làm thuê và không quan tâm đến bà N, nếu có thì chỉ quan tâm đến 02 con chung. Ông N’ biết bà N nộp đơn ly hôn nhưng ông N’ cũng không quan tâm đến. Theo bà thì bà N và ông N’ không có khả năng đoàn tụ; về con chung thì có 02 con chung còn nhỏ hiện đang sống với bà N; tài sản chung, nợ chung bà không biết.

Tại phiên tòa, bà N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông N’ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của bà N, ông N’ có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của các cháu sau này được tốt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao con chung cho bà N được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do bà N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà N.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông N'. Ông N' cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N' được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông N' theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông N' do tự tìm hiểu và chung sống như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 14/8/2017 theo Giấy trích lục kết hôn số: 596/TLKH-BS vào ngày 25/9/2017 nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông N'. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông N' phát sinh từ năm 2020 nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, cho đến tháng 8/2022 bà N và ông N' đã sống ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng ông N' không có mặt để hàn gắn tình cảm. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung: 1/ Huỳnh Chí V, sinh ngày 01/8/2017; 2/ Huỳnh Quang D, sinh ngày 29/3/2021, hiện đang sống với bà N và bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung. Xét thấy, do cháu V và cháu D đều đang sống cùng bà N, hai cháu chưa đủ tuổi để ghi nhận ý kiến, đồng thời cháu D chưa đủ 03 tuổi. Do đó, để tránh xáo trộn về mặt tâm lý đối với các con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được tiếp tục nuôi dạy hai con chung.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của đương sự.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Tuy nhiên, nếu có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì các đương sự có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà N phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà La Ngọc N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà La Ngọc N được ly hôn với ông Huỳnh Thanh N'.

Giấy chứng nhận kết hôn số 100/HT ngày 14/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà La Ngọc N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Chí V, sinh ngày 01/8/2017 và cháu Huỳnh Quang D, sinh ngày 29/3/2021.

Công nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông N' cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N' trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà La Ngọc N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0007955 ngày 05/12/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang